TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Việt Nam** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày: 03-3-2023
V/v Tranh chấp di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAV1 N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Ngọc Dung**

Ông **Lâm Triệu Hữu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử P4c thẩm công khai vụ án dân sự P4c thẩm thụ lý số: 231/2022/DS-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 06 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân tpVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P4c thẩm số: 240/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn L1 (chết năm 2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L1:

Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1959 (vợ ông L1 – có mặt)

Anh Lê QuốcL2, sinh năm 1982 (con ông L1)

Cùng địa chỉ: tỉnh Vĩnh Long.

Chị Lê Hồng H2, sinh năm 1983; địa chỉ: tỉnh Bình Phước (con ông L1)

Anh Lê Quốc L2 và chị Lê Hồng H2 cùng ủy quyền cho bà Võ Thị Thu H1 (giấy ủy quyền ngày 02/3/2021)

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1954.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Diệp M V1, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Số 63 đường 8/3, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 16/2/2016 - có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Diệp P2 V2, sinh năm 1981

2. Anh Diệp P2 Q, sinh năm 1984

3. Ông Diệp M V1, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo ủy quyền của anh V2, anh Q là ông Diệp M V1 – (văn bản ủy quyền ngày 16/2/2016).

4. Ông Nhan Văn V1, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 132/3 đường 8/3, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

5. Bà Lê Thị V3, sinh năm 1950

Người đại diện hợp pháp của bà V3: Anh Huỳnh Hưng T5, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số 63/1 đường 8/3, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 17/2/2016 – có mặt).

6. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1956 (biệt tích năm 1975)

7. Bà Nhan ThịP1, sinh năm 1955

8. Ông Nhan Văn H3, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Số 399 ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

9. Ông Nhan Văn A, sinh năm 1960

10. Ông Nhan VănT3, sinh năm 1967

11. Ông Nhan Văn T4, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M.

12. Ông Nhan Văn T5, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M.

13. Bà Nhan Thị M , sinh năm 1961

14. Ông Nhan Chính T6, sinh năm 1971

15. Ông Nhan Thanh T7, sinh năm 1976

16. Ông Nhan Thế T8, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M.

17. Bà Nhan Thị Bạch T9 (chết năm 2016)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T9

Ông Trần Văn P2 (chồng bàT9, chết năm 2020)

Anh Trần Hồng P3, sinh năm 1981 (con bàT9)

Chị Trần Hồng T10, sinh năm 1979 (con bàT9)

Anh Trần Hồng P4, sinh năm 1983 (con bàT9)

Cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2015, ngày 10/8/2016 nguyên đơn ông Lê Văn L1 và các lời khai của người người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn L1 là bà Võ Thị Thu H1 trình bày:

Cụ Nguyễn Thị Tiên (chết năm 1986, là bà nội của ông Lê Văn L1). Cụ Nguyễn Thị Tiên có 02 người con là ông Nhan Văn Thông (tên gọi khác là Lê Văn Long, chết năm 1969), ông Nhan Văn Châu (chết năm 2002).

Ông Nhan Văn Thông có 05 người con gồm: Ông Lê Văn L1, ông Nhan VănV1, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V3, bà Lê Thị T2 (đã bỏ địa pH1 đi biệt tích).

Ông Nhan Văn Châu có 11 người con gồm: Bà Nhan ThịP1, ông Nhan Văn H3, ông Nhan Văn A, ông Nhan VănT3, ông Nhan Văn T4, ông Nhan Văn T5, bà Nhan Thị M T5, ông Nhan Chính T6, ông Nhan Thế T8, ông Nhan ThanhT7, bà Nhan Thị BạchT9 (bàT9 chết năm 2016). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bàT9 là ông Trần Văn P2 (chết năm 2020), anh Trần Hồng P3, chị Trần HồngT10 và anh Trần Hồng P4.

Khi cụ Tiên còn sống đã tặng cho ông L1 phần đất thuộc thửa 1754, diện tích 136m^2, loại đất thổ và giao đất cho ông L1 quản lý sử dụng. Trong quá trình sử dụng ông L1 có kê khai đăng ký trong sổ mục kê đất theo cH1 trình đất năm 1991. Ông L1 có xây dựng 01 căn nhà trên phần đất này có diện tích 121,3m^2. Sau đó ông L1 bị chấp hành án phạt tù, bà N là người đứng ra mua lại căn nhà và trả nợ Ngân hàng cho ông L1 với số tiền là 13.013.050 đồng. Lúc đó ông L1 chỉ bán căn nhà còn phần đất là di sản thừa kế chưa chia nên không bán.

Sau khi cụ Tiên chết, bà N tiến hành đăng ký kê khai thửa đất số 445 của cụ Tiên thành các thửa đất số 56, tờ bản đồ 40, diện tích 479,2m^2, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 975688, số vào sổ H12061, ngày 22/12/2005 cho bà N; thửa đất số 08, tờ bản đồ 40, diện tích 654,3m^2, loại đất trồng cây đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 283847, số vào sổ H11644, ngày 19/10/2005 cho bà N; thửa đất số 55, tờ bản đồ 40, diện tích 108,7m^2, loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm do bà Lê Thị V3 đứng tên đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 975842, sổ vào sổ H12104, cấp ngày 27/12/2005 (do bà N tách quyền sử

dụng đất cho bà V3).

Ông L1 xác định các thửa 56, 08, 55 hiện do bà N, bà V3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Tiên chết để lại chưa chia.

Ông L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N chia cho ông L1 một phần tài sản của cụ Tiên để lại có diện tích 119,8m^2 tại chiết thửa 56 gắn liền với căn nhà cấp 4 mà ông L1 đã bán cho bà N, ông L1 đồng ý trả lại giá trị nhà cho bà N theo giá Hội đồng định giá đã định, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Lê Thị N do ông Diệp MV1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông L1 về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tiên. Di sản của cụ Tiên là thửa đất số 445, diện tích 400m^2 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1987.

Đến năm 1999, ông Nhan Văn Châu đồng ý ký tên cho bà N được quyền sử dụng phần đất của cụ Tiên nên bà N làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà N là người T6 tiếp phụng dưỡng, chăm sóc cụ Tiên và làm nghĩa vụ đóng thuế từ năm 1987 cho đến nay.

Năm 2002, bà N được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/03/2002 thửa đất số 56, diện tích 596m^2, loại đất thổ vườn. Sau đó Nhà nước thu hồi một phần đất có diện tích 8,7m^2 để làm đường 8/3 nên diện tích còn lại là 587,9m^2. Đến năm 2005 bà N làm thủ tục tách thửa chia cho chị ruột là bà Lê Thị V3 diện tích là 108,7m^2. Đến ngày 27/12/2005 bà V3 đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 55, diện tích 108,7m^2. Ngày 22/11/2005 Ủy ban dân dân thị xã Vĩnh Long cũng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 56, diện tích 479,2m^2 cho bà Lê Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N khẳng định phần đất của cụ Tiên để lại chỉ có 587,9m^2.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản của ông L1, bà N đồng ý chia 587,9m^2 đất của cụ Tiên để lại chia cho các đồng thời kế của cụ Tiên là các con của ông Thông và ông Châu nhưng pH3 nhập thửa đất số 55 của bà V3 và thửa 56 lại để chia cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị V3 có anh Huỳnh Hưng T5 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Lê Thị V3 thống nhất với yêu cầu của ông L1 về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tiên. Bà V3 yêu cầu được nhận phần đất tại vị T4 bà V3 đang sử dụng là 108,7m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận 42,6m^2 gắn liền với các công trình phụ, cây trồng hiện nay bà V3 đang T6 tiếp quản lý sử dụng thuộc thửa đất 56. Ngoài ra, bà V3 cho rằng bà N còn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một thửa đất của cụ Tiên nhưng bà V3 không rõ diện tích và số thửa đất bao nhiêu chỉ biết là loại đất vườn và bị giải

tỏa một phần để làm khu dân cư M Linh phần còn lại đối với thửa đất này bà V3 yêu cầu đưa phần tài sản này vào tài sản chưa chia của cụ Tiên để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nhan VănV1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông L1 về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tiên. Cụ Tiên chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Tiên để lại là thửa đất số 55, 56 hiện nay bà N, bà V3 đang T6 tiếp quản lý. ÔngV1 yêu cầu chia tài sản của cụ Tiên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Diệp P2 V2, anh Diệp P2 Q do ông Diệp MV1 là đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà N.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nhan ThịP1, ông Nhan Văn H3, ông Nhan Văn A, ông Nhan VănT3, ông Nhan Văn T4, ông Nhan Văn T5, bà Nhan Thị M T5, ông Nhan Chính T6, ông Nhan Thế T8, ông Nhan ThanhT7 trình bày: Yêu cầu chia di sản của cụ Tiên cho tất cả những người đồng thừa kế.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nhan Thị BạchT9 là anh Trần Hồng P3, chị Trần HồngT10 và anh Trần Hồng P4 trình bày: Yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Tiên chết để lại cho tất cả các đồng thừa kế được thừa hưởng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long quyết định:

Không chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Văn L1, về việc yêu cầu được chia tài sản chung diện tích 119,8m^2 (diện tích đo đạc thực tế), thửa đất số 56, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Phần diện tích đất 119,8m^2 (diện tích đo đạc thực tế) nằm trong số diện tích 479,2m^2 thửa đất số 56, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là của hộ bà Lê Thị N (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 975688 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp ngày 22/12/2005) và bà N được hưởng toàn bộ diện tích đất còn lại trong thửa 56 (theo T4ch đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/12/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị V3 về việc yêu cầu được chia thêm phần đất diện tích 42,6m^2 (diện tích đo đạc thực tế) thửa đất số 56, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Lê Thị V3 được sử dụng phần đất có diện tích 108,7m^2, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 978542 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp ngày 27/12/2005 (theo T4ch đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/12/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long)

Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long các bên không có tranh chấp.

Bà Lê Thị N có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị bằng tiền cho các ông bà Nhan ThịP1, Nhan Văn H3, Nhan Văn A, Nhan VănT3, Nhan Văn T4, Nhan Văn T5, Nhan Thị M T5, Nhan Chính T6, Nhan Thế T8, Nhan ThanhT7 và Nhan Thị BạchT9 mỗi người 4.680.000 đồng.

BàT9 đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bàT9 gồm: Ông Trần Văn P2 (chồng bàT9), chị Trần HồngT10, anh Trần Hồng P3 và anh Trần Hồng P4 (con bàT9) được hưởng phần của bàT9.

Giao phần của bà Lê Thị T2 được hưởng 4.680.000 đồng cho bà Lê Thị N tạm quản lý, khi nào bà T2 có yêu cầu thì bà N có trách nhiệm giao lại bà T2 và được trừ lại số tiền án phí mà bà N đã nộp thay cho bà T2 (234.000 đồng).

Bản án dân sự P4c thẩm số 168/2017/DS-PT ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 22/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết lại vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 235, 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 106 Luật Đất đai 2013.

Áp dụng Điều 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án và danh mục ban hành kèm theo. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn L1 yêu cầu bà Lê Thị N chia cho ông L1 một phần di sản của cụ Tiên để lại có diện tích 119,8m^2, chiết thửa 56, gắn liền với căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L1 về yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Tiên gồm các thửa đất số 56, tờ bản đồ 40, diện tích 479,2m^2; thửa đất số 08, tờ bản đồ 40, diện tích 654,3m^2 và thửa đất số 55, tờ bản đồ 40, diện tích 108,7m^2 tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản có tổng trị giá là 3.207.387.200 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V3 về việc yêu cầu được hưởng thừa kế thửa đất 55, tờ bản đồ 40, diện tích 108,7m^2 tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V3 về việc yêu cầu được hưởng thừa kế thêm diện tích đất 42,6m^2, chiết thửa 56, tờ bản đồ 40, tọa lạc tại Khóm 4,

Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Thị V3 liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đo đạc thực tế là 42,6m^2, chiết thửa 56, tờ bản đồ 40 (có T4ch đo bản đồ địa chính kèm theo).

Giá trị tài sản thừa kế bà Lê Thị V3 được hưởng là 708.907.700 đồng.

Bà Lê Thị N được hưởng thừa kế thửa đất số 08, tờ bản đồ 40, diện tích 654,3m^2, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất 56, tờ bản đồ 40, diện tích 436,6m^2 tọa lạc tại Khóm 4, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Thị N liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 56, tờ bản đồ 40 theo diện tích đo đạc còn lại là 436,6m^2 (có T4ch đo bản đồ địa chính kèm theo)

Giá trị tài sản thừa kế bà Lê Thị N được hưởng là 2.498.479.500 đồng.

Bà Lê Thị N và bà Lê Thị V3 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch trị giá tài sản được hưởng cho các đồng thừa kế là 2.565.909.760 đồng (trong đó phần của bà N 2.177.740.780 đồng, phần của bà V3 388.168.980) cụ thể như sau:

Ông Lê Văn L1 được hưởng 320.738.720 đồng. Ông L1 đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L1 là bà Võ Thị Thu H1, anh Lê QuốcL2 và chị Lê HồngH2 được hưởng kỷ phần của ông L1.

Ông Nhan VănV1 được hưởng 320.738.720 đồng.

Bà Lê Thị T2 được hưởng 320.738.720 đồng. Kỷ phần thừa kế của bà T2 giao cho bà Lê Thị N tạm quản lý, khi nào bà T2 có yêu cầu thì bà N có trách nhiệm giao lại nhưng được trừ lại số tiền đo đạc, định giá 787.850 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm 16.036.936 đồng nộp thay cho bà T2.

Bà Nhan ThịP1, ông Nhan Văn H3, ông Nhan Văn A, ông Nhan VănT3, ông Nhan Văn T4, ông Nhan Văn T5, bà Nhan Thị M T5, ông Nhan Chính T6, ông Nhan Thế T8, ông Nhan ThanhT7 và bà Nhan Thị BạchT9 mỗi người được hưởng 145.790.327 đồng.

Bà Nhan Thị BạchT9 đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bàT9 là anh Trần Hồng P3, chị Trần HồngT10 và anh Trần Hồng P4 được hưởng kỷ phần của bàT9.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị đơn bà Lê Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

+ Không chấp nhận chia thêm cho ông Lê Văn L1 01 kỷ phần do ông Lê Văn L1 đã tự làm thủ tục tách 136 m^2 đất thổ ở thửa 56 để mang thế chấp cho ngân hàng TMCp Công tH1V1 N theo khế ước vay ngày 26/4/1996.

+ Không đồng ý chia thêm cho bà Lê Thị V3 phần đất thêm thuộc thửa 56 vì bà V3 đã nhận 108,7 m^2.

+ Không đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất 08 vì đây là đất của bà N đã đăng ký trong sổ mục kê theo cH1 trình đất năm 1991.

Ngày 09/8/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị đối với bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý nội dung bản án sơ thẩm và cấp sơ thẩm không đưa bà Nhan Thị Thu Trinh hiện đang sống ở Đài Loan (con ruột ông Nhan Văn Châu) tham gia tố tụng tại tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long là thiếu xót, đề nghị cấp P4c thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Ông Nhan VănV1 trình bày: Ông Nhan Văn Châu có con là Nhan Thị Thu Trinh nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa chị Trinh tham gia tại tòa.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử P4c thẩm.

Về nội dung:

Và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long do cấp sơ thẩm không đưa chị Nhan Thị Thu Trinh tham gia tại cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và đơn kháng cáo của bà Lê Thị N còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự gồm Diệp P2 V2, Diệp P2 Q, Nhan ThịP1, Nhan Văn H3, Nhan Văn A, Nhan VănT3, Nhan Văn T4, Nhan Văn T5, Nhan Thị M T5, Nhan Chính T6, Nhan ThanhT7, Nhan Thế T8, Trần Hồng P3, Trần HồngT10, Trần Hồng P4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt các được sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết tại cấp P4c thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn

có đơn khiếu nại chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nhan Thị Thu Trinh là con của ông Nhan Văn Châu. Qua cung cấp hồ sơ thể hiện chị Nhan Thị Thu Trinh là người được hưởng di sản thừa kế, đồng thời quá trình giải quyết cấp sơ thẩm chưa làm rõ chồng của bà Tiên là ai, chồng bà Tiền có liên quan đến phần đất tranh chấp thừa kế thửa 08, thửa 56, thửa 55 hay không? Chồng bà Tiên có vợ con khác không là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Về nội dung: Phần đất thửa 56, tờ bản đồ số 40, diện tích 479,2 m^2, loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, hiện nay do bà Lê Thị N đứng tên và phần đất thửa 55, tờ bản đồ số 40, diện tích 108,7 m^2, loại đất ở đô thị và trồng cây lâu năm, hiện do bà Lê Thị V3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đồng thừa kế đều thừa nhận đây là phần đất của cụ Tiên chết để lại nên phần đất thửa 56 và 55 là di sản thừa kế của cụ Tiên để lại sẽ chia đều cho các hàng thừa kế. Đối với phần đất thửa số 08, diện tích 654,3 m^2, loại đất trồng cây lâu năm hiện do bà Lê Thị N đứng tên, bà N không thừa nhận là di sản thừa kế của cụ Tiên. Tuy nhiên theo chứng thư lưu trữ địa chính ngày 23/9/2015 xác nhận: T2 liệu đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ T2ớng chính phủ xác nhận thuộc thửa 455, tờ bản đồ số 14, diện tích 1400 m^2, loại đất thổ vườn do Nguyễn Thị Tiên kê khai trong sổ mục kê ruộng đất và đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất, hồ sơ xin đăng ký cấp đất thửa 08 bà N khai do bà nội để lại, mặc dù bà N đứng tên có sự đồng ý của ông Châu nhưng các đồng thừa kế khác như ông L1 không có ý kiến đồng ý giao cho bà N đứng tên nên cấp sơ thẩm nhận định thửa đất số 08 là di sản của cụ Tiên chết để lại để chia cho các thừa kế của cụ Tiên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, cấp sơ thẩm chưa xác M thu thập làm rõ phần diện tích thửa 08 bị nhà nước thu hồi giải tỏa tuyến dân cư Cổ Chiên và bà N nhận bồi hoàn bao nhiêu? Để từ đó xác định phần bà N nhận bồi thường T2ơng đương với suất thừa kế của bà N trong việc quản lý, giữ gìn và tôn tạo đối với di sản của cụ Tiên để lại. Trong quá trình chuA bị xét xử P4c thẩm, cấp P4c thẩm có thu thập tài liệu chứng cứ thì phần đất bị thu hồi giải tỏa là 384,7 m^2, bà N nhận giá trị phần đất tổng cộng là 18.273.000 đồng, bà V3 và ôngV1 mỗi người nhận 3.000.000 đồng; riêng phần ông L1 đại diện ủy quyền là bà N trình bày đã đưa cho ông L1 3.000.000 đồng, hiện nay ông L1 đã chết, hàng thừa kế của ông L1 không thừa nhận có nhận giá trị 3.000.000 đồng từ phần đất bị thu hồi giải tỏa, ngoài lời trình bày của phía bị đơn thì không có chứng cứ nào chứng M ông L1 nhận 3.000.000 đồng từ bà N nên khấu trừ vào số tiền bà N nhận bồi hoàn 12.273.000 đồng (trong đó của bà N 3.000.000 đồng), giao cho ôngV1 3.000.000 đồng, giao bà V3 3.000.000 đồng, thì bà N còn giữ 9.273.000 đồng. Theo giá đất thu hồi 30.000.000 đồng/m^2 và 17.500 đồng/m^2 thì bà N còn giữ số tiền bồi hoàn T2ơng đương 195,2 m^2, hiện tại các đương sự đã nhận tiền bồi hoàn từ bà N và các đương sự không yêu cầu chia. Tuy nhiên số tiền T2ơng đương phần đất bà N hưởng nhiều hơn một suất thừa kế mà các đương sự được hưởng nên không chia

cho bà N hưởng thêm phần công sức giữ gìn, bảo quản tài sản là đúng thực tế, đảm bảo quyền lợi của bà N.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với cấp sơ thẩm tuyên chưa chính xác là có căn cứ, thể hiện giá trị tài san thừa kế bà N hưởng 2.498.479.500 đồng, giá trị tài sản bà V3 đang quản lý là 708.907.700 đồng, đồng thời cấp sơ thẩm tuyên không rõ bà N, bà V3 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được hưởng mà mình đang quản lý cho ai là chưa đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Án phí dân sự P4c thẩm: Các đương sự không pH3 nộp án phí dân sự P4c thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DSST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Giao toàn bộ hồ sơ về tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết lại theo thẩm quyền sơ thẩm, theo đúng quy định của pháp luật.

Giữ lại phần tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã nộp để tiếp tục giải quyết vụ án.

2/ Án phí dân sự P4c thẩm: Miễn án phí dân sự P4c thẩm cho bà Lê Thị N.

Bản án P4c thẩm có hiệu L1 pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P4C THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng